



Working Paper 2022.2.2.04
- Vol 2, No 2

**THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN CHUYÊN
NGÀNH TIẾNG NHẬT THƯƠNG MẠI, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG:
GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN**

**Luu Mai Hương¹, Đỗ Phương Anh, Lê Thúy Hạnh, Lê Mai Hồng,
Nguyễn Hà My**

Sinh viên K58 Tiếng Nhật thương mại – Khoa Tiếng Nhật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trong những năm gần đây, quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản không ngừng phát triển toàn diện, sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, ngày càng có nhiều doanh nghiệp Nhật Bản có kế hoạch đầu tư, mở rộng quy mô phát triển, điều này tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn cho nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành tiếng Nhật, đại học Ngoại Thương còn hạn chế dẫn đến thực trạng nhiều sinh viên ra trường vẫn chưa xác định được mục tiêu nghề nghiệp cụ thể, chưa có sự chuẩn bị những kỹ năng và kiến thức cần thiết để đáp ứng thị trường việc làm. Do đó, tuy được đào tạo như là nguồn nhân lực chất lượng cao nhưng tỷ lệ sinh viên rơi vào tình trạng thất nghiệp hoặc công việc không đáp ứng kỳ vọng ban đầu còn cao. Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết này sẽ đưa ra phân tích về thực trạng thị trường dành cho nguồn nhân lực tiếng Nhật cũng như tình hình việc làm của sinh viên khoa tiếng Nhật, từ đó nhận xét, đưa ra những đề xuất đối với hoạt động định hướng nghề nghiệp dành cho sinh viên của khoa dưới góc nhìn sinh viên.

Từ khóa: Định hướng nghề nghiệp, sinh viên khoa tiếng Nhật, trường đại học, việc làm tiếng Nhật.

**THE CURRENT STATUS QUO of CAREER ORIENTATION FOR BUSINESS
JAPANESE STUDENT OF FOREIGN TRADE UNIVERSITY:
FROM STUDENT VIEWPOINT**

Abstract

Currently, the bilateral cooperation relationship between Vietnam and Japan has had remarkable achievements in many fields. In particular, more and more Japanese enterprises are planning to invest and expand their development scale, which will create more job opportunities for high-quality human resources in Vietnam. However, the career orientation of Japanese language students at Foreign Trade University is still limited, leading to the fact that many graduates can not identify their specific career goals or prepare the necessary skills and knowledge. Therefore, despite being trained as a high-quality human resource, many students still get unemployed or do

¹ Tác giả liên hệ, Email: k58.1917740504@ftu.edu.vn

jobs that do not meet initial expectations. Therefore, our research focuses on analyzing the current market situation for Japanese human resources and the employment situation of Japanese language students, thereby proposing some recommendations for career-oriented activities for students.

Keywords: Career orientation, Career guidance, Japanese language students, University, Japanese job.

1. Lời nói đầu

Quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản thời gian qua không ngừng phát triển toàn diện, sâu rộng và thực chất trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, ngày càng có nhiều doanh nghiệp Nhật Bản, trong đó có những doanh nghiệp thuộc các tập đoàn kinh tế lớn đầu tư kinh doanh thành công tại Việt Nam và đang có kế hoạch mở rộng quy mô phát triển. Chính nhờ sự hợp tác ngày càng sâu rộng về kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn cho nguồn nhân lực tiếng Nhật của chúng ta. Ngày càng có nhiều học sinh sinh viên lựa chọn tiếng Nhật với hi vọng về một cơ hội việc làm rộng mở. Nhà trường, Khoa đã cố gắng, nỗ lực tổ chức nhiều hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên với những hình thức khác nhau nhưng tuy vậy vẫn còn những hạn chế nhất định và chưa được cập nhật thường xuyên để phù hợp với xu hướng thời đại. Vì lý do đó, tuy được đào tạo như là nguồn nhân lực chất lượng cao nhưng tỷ lệ sinh viên rơi vào tình trạng thất nghiệp hoặc công việc không đáp ứng kỳ vọng ban đầu vẫn còn cao.

Do đó, trong bài viết này, nhóm tác giả sẽ cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại, trường Đại học Ngoại thương, từ đó đề xuất giải pháp để hoàn thiện và nâng cao chất lượng định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Đây có thể trở thành cơ sở để nhà trường và khoa tiếng Nhật cải thiện các hoạt động định hướng cho sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật thương mại trong tương lai.

2. Tổng quan về định hướng nghề nghiệp của sinh viên

2.1. Khái niệm định hướng nghề nghiệp của sinh viên

Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên là: việc những người học ở bậc đại học được định hướng thông qua các hoạt động trực tiếp và gián tiếp nhằm tìm ra và phát triển những thế mạnh của người được định hướng. Từ đó, mỗi cá nhân tự đưa ra lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân.

Việc định hướng giúp người được định hướng xác định rõ ràng mục tiêu và định hình con đường để chinh phục được mục tiêu đó. Qua quá trình định hướng, người được định hướng sẽ hình thành khả năng tự chủ trong việc lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở của sự phù hợp giữa năng lực, hứng thú, sở thích cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động trong các lĩnh vực của xã hội. Bên cạnh đó, định hướng nghề nghiệp còn giúp khơi gợi nguồn cảm hứng, niềm đam mê với công việc trong tương lai.

2.2. Đối tượng tham gia vào hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

2.2.1. Khoa chuyên ngành: là các Viện/Khoa quản lý chuyên ngành đào tạo của sinh viên.

2.2.2. Giáo viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập: là người chia sẻ kiến thức, chuyên môn của mình để giúp người được cố vấn xây dựng được định hướng phù hợp cho tương lai và lựa chọn được hướng đi đúng đắn.

2.2.3. Bộ phận chuyên trách về công tác tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên: là bộ phận chuyên trách về công tác tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên là đầu mối triển khai và phối hợp với các đơn

vị khác để triển khai các hoạt động các dịch vụ về tư vấn nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu của sinh viên và hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực chuyên môn cũng như kỹ năng của bản thân qua đó có thể xây dựng cho mình một sự nghiệp thành công.

2.2.4. Các phòng ban chức năng (Phòng Công tác chính trị sinh viên, Phòng quản lý đào tạo, Trung tâm hỗ trợ sinh viên...): là tổ chức tham gia trực tiếp vào các hoạt động tư vấn nghề nghiệp như tư vấn tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu, tổ chức các hoạt động kết nối với doanh nghiệp thông qua các chương trình tham quan doanh nghiệp, thực tập, tư vấn về tâm lý, đào tạo kỹ năng mềm.

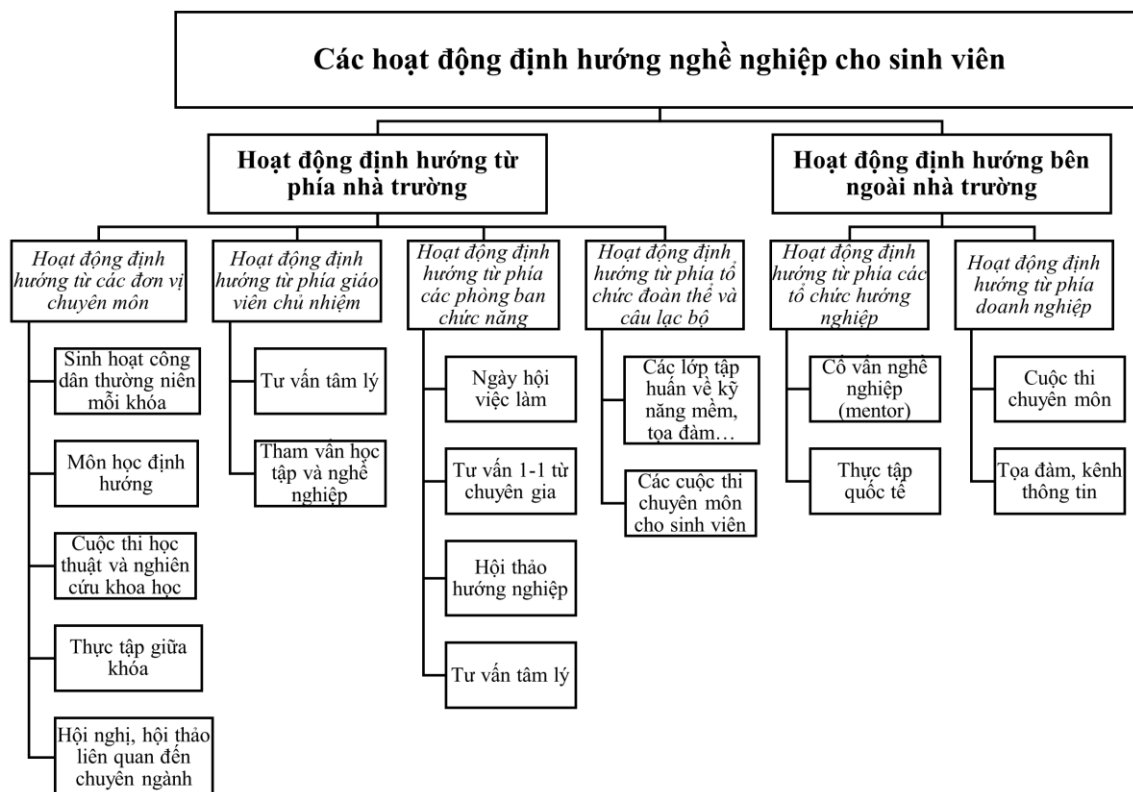
2.2.5. Tổ chức đoàn thể: Các tổ chức đoàn thể là các tổ chức do sinh viên đứng ra điều hành, tuy nhiên vẫn chịu sự quản lý của trường đại học.

2.2.6. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên: là các tổ chức thanh niên với nhiệm vụ triển khai các hoạt động tập thể, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện cho sinh viên.

2.2.7. Câu lạc bộ: là tổ chức được thành lập bởi sinh viên dưới sự quản lý của nhà trường và Đoàn thanh niên, tập hợp theo nguyên tắc tự nguyện giữa những người cùng mối quan tâm về sở thích, kỹ năng chuyên môn...

2.3. Các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

Để tóm lược những điểm chính của hoạt động định hướng nghề, nhóm nghiên cứu tiến hành sơ đồ hóa như sau:



Hình 1. Các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên (Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp)

Nhóm hoạt động định hướng từ phía bộ phận chuyên môn gồm:

– Hoạt động định hướng từ đơn vị chuyên môn: Buổi sinh hoạt công dân đầu khóa và giữa khóa, Hệ thống môn học định hướng, Các cuộc thi học thuật và cuộc thi nghiên cứu khoa học, Thực tập giữa khóa cho sinh viên, Hội nghị và hội thảo tư vấn hướng nghiệp liên quan đến chuyên ngành.

– Hoạt động từ phía giáo viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập.

Nhóm hoạt động định hướng từ phía các phòng ban chức năng, tổ chức đoàn thể và câu lạc bộ gồm:

- Hoạt động từ phía các phòng ban chức năng: Ngày hội việc làm, chương trình thực tập ngoại chương trình đào tạo, Hoạt động tư vấn tâm lý.
- Hoạt động định hướng từ phía tổ chức đoàn thể

Nhóm hoạt động định hướng bên ngoài nhà trường gồm:

- Hoạt động định hướng từ các tổ chức hướng nghiệp.
- Hoạt động định hướng từ các tổ chức giáo dục và doanh nghiệp

Để đánh giá rõ hơn về các hoạt động định hướng này tại trường đại học Ngoại thương, cụ thể là khoa tiếng Nhật, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và phân tích thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật thương mại.

3. Thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật thương mại, trường Đại học Ngoại thương

3.1. Thị trường việc làm dành cho nguồn nhân lực tiếng Nhật

3.1.1. Phân loại thị trường việc làm đối với nguồn nhân lực tiếng Nhật.

Thị trường việc làm đối với nguồn nhân lực chất lượng cao

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, “nguồn nhân lực chất lượng cao” được định nghĩa là “nguồn nhân lực qua đào tạo với những phẩm chất về trí tuệ, nhân cách, tay nghề và năng lực để đáp ứng được các yêu cầu công việc, làm tăng năng suất và hiệu quả cao.”

Nhóm lao động này tại Việt Nam thường tập trung tại 3 lĩnh vực chính là kỹ thuật, tri thức nhân văn và nghiệp vụ quốc tế

Lĩnh vực kỹ thuật: Đây là nhóm những công việc liên quan đến khoa học tự nhiên, kỹ sư hệ thống, kỹ sư điện, lập trình viên, thiết kế, công nghệ sản xuất, các ngành nghề chế tạo và phát triển khác.

Lĩnh vực tri thức nhân văn: Đây là nhóm các công việc liên quan đến khoa học xã hội (các lĩnh vực luật pháp - kinh tế - xã hội học) như kế toán, hành chính, marketing, quảng cáo, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, kinh doanh, kế hoạch...

Lĩnh vực nghiệp vụ quốc tế: Đây là nhóm các công việc đòi hỏi có tính tư duy và cảm nhận của người nước ngoài như biên – phiên dịch, giao dịch với doanh nghiệp nước ngoài, giáo viên ngoại ngữ, nhà thiết kế thời trang và quảng cáo, nhân viên khách sạn với nghiệp vụ chính là biên dịch, phát triển sản phẩm...

Ngoài ra, đối với lao động chất lượng cao Việt Nam tại thị trường Nhật Bản sẽ hướng đến các nhóm đối tượng sau:

Điều dưỡng viên, hộ lý theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nhật (VJEPA): Đây là nguồn nhân lực có trình độ tiếng Nhật trung cấp kèm theo đó là kiến thức, kỹ năng chuyên môn cụ thể trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

Chương trình hướng đến nhóm cử nhân đại học, cao đẳng bằng kỹ sư: Chương trình này hướng đến nguồn nhân lực chất lượng cao đã có bằng cử nhân đại học hoặc tốt nghiệp cao đẳng, bằng kỹ sư và có chuyên môn tay nghề cao, kinh nghiệm làm việc.

Thị trường việc làm đối với nguồn nhân lực chất lượng thấp

Trong khuôn khổ bài viết này, nhóm tác giả định nghĩa “nhân lực chất lượng thấp” là những người lao động chưa đáp ứng đủ yêu cầu về phẩm chất và kỹ năng của một lao động chất lượng cao.

Hiện nay nguồn nhân lực tiếng Nhật chất lượng thấp chủ yếu có thể kể đến hình thức xuất khẩu lao động sang Nhật theo hình thức thực tập sinh kỹ năng. Chương trình này về cơ bản là một hình thức đào tạo chứ không phải làm việc lâu dài, thông thường sẽ kéo dài từ 1 đến 3 năm hoặc 5 năm. Chương trình chủ yếu nhắm đến đối tượng lao động phổ thông, chưa có kinh nghiệm hoặc bằng cấp cao.

3.1.2. Yêu cầu thị trường đối với nguồn nhân lực tiếng Nhật

Yêu cầu thị trường với nguồn nhân lực tiếng Nhật chất lượng cao

Trình độ ngoại ngữ: Các ứng viên khi tham gia vào thị trường này cần có năng lực ngoại ngữ tối thiểu là trung cấp, được đánh giá qua các chứng chỉ năng lực tiêu chuẩn như JLPT (Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật), TOP J (Chứng chỉ năng lực vận dụng tiếng Nhật thực tế)...

Kiến thức, kỹ năng chuyên môn: Thể hiện thông qua các chứng chỉ chuyên môn như BJT – chứng chỉ năng lực tiếng Nhật thương mại, Boki – chứng chỉ kế toán Nhật Bản, FE – chứng chỉ đạt chuẩn cơ bản kỹ sư CNTT của Nhật Bản...

Tiềm năng tương lai của ứng viên: Điều này được đánh giá dựa trên tư duy và những kỹ năng mà nhân viên đó thể hiện và có thể trau dồi trong suốt quá trình làm việc như: Kỹ năng ứng xử và giao tiếp chuẩn mực, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản trị thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề, tinh thần lãnh đạo.

Mức độ gắn bó với công ty: Tại nhiều công ty Nhật, mức độ thăng tiến của nhân viên phụ thuộc vào thời gian gắn bó với công ty. Vì vậy những nhân viên có mục tiêu thăng tiến cao hơn, ngoài những yêu cầu về năng lực chuyên môn, ban quản trị còn xem xét cả thời gian nhân sự đó làm việc tại công ty.

Yêu cầu thị trường với nguồn nhân lực tiếng Nhật chất lượng thấp

Đối với nguồn nhân lực tiếng Nhật này, ứng viên phải đạt tối thiểu trình độ tiếng Nhật sơ cấp, và không bắt buộc về trình độ tiếng chuyên môn hay nghiệp vụ nghề nghiệp. Ngoài ra, nguồn nhân lực này cần có sức khỏe tốt và cam kết hoạt động theo đúng yêu cầu trong hợp đồng.

3.1.3. Tình hình chất lượng nguồn nhân lực tiếng Nhật

Chất lượng nguồn nhân lực làm tại Việt Nam

Lĩnh vực kỹ thuật : Riêng về lĩnh vực IT, nhu cầu của thị trường là vô cùng lớn tuy nhiên tiềm năng hợp tác chỉ đang được khai thác ở mức rất thấp, bởi nguồn nhân lực đủ chuyên môn, biết

tiếng Nhật không đủ để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp Nhật Bản. kỹ sư biết tiếng Nhật còn hạn chế. Ngoài ra, theo thống kê của Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, có tới 72% sinh viên ngành CNTT ra trường không có kinh nghiệm thực hành. Số sinh viên ra trường làm việc được ngay chỉ chiếm khoảng 30%, còn lại phải đào tạo bổ sung.

Lĩnh vực tri thức nhân văn : Số lượng lao động sở hữu chứng chỉ N2 (theo thang đo của kỳ thi JLPT) không tính là thấp nhưng kỹ năng giao tiếp, báo cáo, thuyết trình còn chưa tốt, tác phong làm việc chưa chuyên nghiệp. Đây là bài toán khó cho nguồn nhân lực chất lượng cao sử dụng tiếng Nhật của Việt Nam.

Lĩnh vực nghiệp vụ quốc tế: Người lao động không chỉ được yêu cầu thành thạo tiếng mà có tầm tri thức rộng, bao quát nhiều lĩnh vực, có kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống linh hoạt. Tuy nhiên, tỷ lệ ứng viên đạt yêu cầu chỉ khoảng 5% – 10%.

Đánh giá chung: Có thể nói nguồn nhân lực sử dụng tiếng Nhật làm việc tại Việt Nam đều tập trung vào nguồn nhân lực chất lượng cao, hầu hết đầu tốt nghiệp từ những trường đại học, cao đẳng chuyên môn. Tuy nhiên, trình độ sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật đến khi tốt nghiệp tương đương N2, N3 thế nhưng khả năng nói, phản xạ còn kém. Thêm vào đó việc thiếu kinh nghiệm thực tế là điểm hạn chế vẫn còn tồn đọng.

Chất lượng nguồn nhân lực làm việc tại Nhật

Nhân lực chất lượng cao:

Điều dưỡng viên, hộ lý theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nhật (VJEPA): Hiện nay, số lượng lao động Việt Nam đạt chứng chỉ quốc gia của Nhật Bản hàng năm là 37% với ứng viên điều dưỡng và 91% với ứng viên hộ lý.

Làm việc tại Nhật Bản theo diện kỹ sư: Đối tượng phải là người đã tốt nghiệp cao đẳng chính quy hoặc đại học tại các trường thuộc khối kỹ thuật công nghiệp. Sinh viên sắp ra trường và các kỹ sư đã đi làm đều có thể trở thành đối tượng của hình thức này.

Nhân lực chất lượng thấp:

Thực tập sinh kỹ năng: Người lao động có tay nghề giỏi và trình độ cao trong quá trình sản xuất-gia công-chế tạo, có tác phong công nghiệp, có năng lực ngoại ngữ. Đây sẽ trở thành nguồn nhân lực chất lượng về cả mặt ngoại ngữ và tay nghề, được xem là nguồn nhân lực mới để khai thác với chất lượng tốt.

Đánh giá chung: Nhờ có những chương trình này mà chất lượng lao động Việt Nam đang được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, số lượng lao động chất lượng thấp vẫn chiếm đa số và tình trạng bỏ trốn của thực tập sinh vẫn đang là vấn đề nan giải. Ngay cả ở nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn còn tồn tại những hạn chế như kinh nghiệm thực tế còn yếu, năng lực chuyên môn chưa đạt chuẩn.

3.2. Chương trình đào tạo tiếng Nhật của trường Đại học Ngoại thương.

Thành lập bộ môn Tiếng Nhật từ năm 1971 đến năm 2006 Khoa tiếng Nhật trường đại học Ngoại thương chính thức được thành lập và chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại bắt đầu được áp dụng từ năm này. Chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại đã khẳng định được uy tín của mình thông qua tỉ lệ cạnh tranh đầu vào và chất lượng đầu ra đạt chuẩn. Chuyên ngành TNTM gồm: hệ CTĐT tiêu chuẩn và hệ CTĐT chất lượng cao.

3.2.1. Chương trình tiêu chuẩn

Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu của CTĐT được xây dựng trên cơ sở phát triển cho sinh viên toàn diện kiến thức về tiếng Nhật, kiến thức kinh tế cơ bản cũng như kiến thức thương mại trong tiếng Nhật. Mục tiêu chung hướng đến việc đào tạo nguồn nhân lực tiếng nhật trình độ cao về cả chuyên môn và kỹ năng, có khả năng thích ứng với nhu cầu biến đổi không ngừng của xã hội trong thời kỳ hội nhập ngày nay.

Khung chương trình

Chương trình đào tạo Tiếng Nhật thương mại hệ Tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên 4 khối kiến thức chính là: Kiến thức đại cương, Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, Thực tập giữa khóa, Học phần tốt nghiệp.

Khoa Tiếng Nhật đã có sự nỗ lực rất lớn trong việc cập nhật CTĐT phù hợp với xu hướng thời đại. Cụ thể, từ năm học 2019 – 2020, Khoa Tiếng Nhật, Đại học Ngoại thương đã có sự thay đổi về chương trình đào tạo cho các sinh viên chuyên ngành TNTM nhằm cải thiện các kỹ năng mềm cũng như giúp sinh viên có thể chọn lựa nhiều ngành nghề hơn khi được tiếp xúc với các môn học tự chọn vào cuối năm 3. Không chỉ dừng lại ở đó, theo CTĐT được cập nhật năm 2021, các học phần có tính hàn lâm cao như Văn hóa văn minh, văn học Nhật Bản,... đã được chuyển đổi thành học phần tự chọn trong nhóm kiến thức văn hóa, văn học Nhật Bản thay vì là những học phần bắt buộc theo như CTĐT những năm 2017 và 2019.

Chuẩn đầu ra

Cử nhân chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại, ĐHNT được yêu cầu chuẩn đầu ra tương đương với năng lực tiếng Nhật ở trình độ bậc 5/6 theo KNLNNVN (tương đương cấp độ N2, kỳ thi Năng lực tiếng Nhật JLPT); các kiến thức cơ bản về kinh tế, thương mại bằng tiếng Nhật; kiến thức cơ bản về biên – phiên dịch; sinh viên khi ra trường sẽ có thể làm việc tại nhiều ngành nghề khác nhau.

Khoa Tiếng Nhật cũng đã bổ sung chuẩn đầu ra đối với trình độ ngoại ngữ và tin học như: sử dụng Ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3/6 theo KNLNNVN và sử dụng tin học văn phòng nâng cao từ năm 2019. Có thể thấy, nhờ sự cập nhật chương trình đào tạo mà sinh viên khi ra trường có thể tự tin lựa chọn các công việc sử dụng nhiều ngoại ngữ khác nhau thay vì những công việc chỉ sử dụng tiếng Nhật hoặc tiếng Việt.

Nhìn chung, chuẩn đầu ra của hệ chương trình đào tạo tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ, tin học, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, tương thích với yêu cầu của thị trường lao động.

3.2.2. Chương trình chất lượng cao

Mục tiêu đào tạo

Đối với chương trình đào tạo hệ Chất lượng cao, khoa Tiếng Nhật hướng sinh viên đến chuẩn BJT (Business Japanese Proficiency Test) – kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật thương mại. Hệ đào tạo Chất lượng cao được áp dụng từ năm học 2020 – 2021, cho thấy, Khoa tiếng Nhật đã có sự cập nhật thường xuyên những yêu cầu mới của thị trường lao động dành cho nguồn lao động tiếng Nhật, có mong muốn định hướng sinh viên phát triển toàn diện về tác phong làm việc và

chuyên môn. Có thể thấy, mục tiêu đào tạo của hệ đào tạo Chất lượng cao được xây dựng một cách rõ ràng và phù hợp với xu hướng.

Khung chương trình

Khung chương trình Chất lượng cao cũng được xây dựng dựa trên 4 khối kiến thức: Kiến thức đại cương, Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, Thực tập giữa khóa, Học phần tốt nghiệp giống như chương trình hệ Tiêu chuẩn. Tuy nhiên, hệ đào tạo Chất lượng cao có tổng cộng 143 tín chỉ và được cung cấp nhiều hơn những môn học chuyên ngành kinh doanh quốc tế, giúp sinh viên có cơ hội tìm hiểu các lĩnh vực khác nhau, tạo nền tảng vững chắc về tư duy kinh tế cũng như kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thương mại.

Tuy mới áp dụng từ năm học 2020 – 2021 nhưng chương trình CLC đã có sự cải tiến mới được áp dụng từ khóa 60. Cụ thể, trong CTĐT mới, các học phần tự chọn gồm: Logic học và phương pháp học tập và nghiên cứu, tâm lý học; CTĐT đã được bổ sung thêm học phần Tư duy logic và phương pháp nghiên cứu, đây là một môn học khá mới mẻ, có thể giúp sinh viên rèn luyện tư duy chính xác, lập luận chặt chẽ hơn. Hệ CTĐT Chất lượng cao có nhiều học phần tự chọn đa dạng giúp sinh viên có nhiều lựa chọn hơn và được định hướng nghề nghiệp rõ ràng trước khi bước vào thị trường lao động.

Chuẩn đầu ra

Sinh viên được yêu cầu Trình độ tiếng Nhật thương mại tối thiểu tương đương với cấp độ J2 từ 500 điểm trở lên của Kỳ thi TNTM (BJT) hoặc BJ2 từ 700 điểm trở lên của Kỳ thi TNTM tiêu chuẩn (STBJ) là một điểm mới, cũng là một thách thức đối với khoa Tiếng Nhật. Vì sở dĩ, đây là lần đầu tiên khoa Tiếng Nhật áp dụng chuẩn đầu ra như vậy đối với các sinh viên. Ngoài ra, khác với sinh viên hệ đào tạo Tiêu chuẩn, sinh viên hệ Chất lượng cao có chuẩn đầu ra Ngoại ngữ 2 (tiếng Anh) đạt bậc 4/6 theo KNLNNVN, cho thấy khoa Tiếng Nhật đã có sự cập nhật cũng như phần nào hiểu được xu hướng mong muốn được gia nhập vào thị trường lao động quốc tế của sinh viên Việt Nam hiện nay.

3.3. Thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật thương mại, trường Đại học Ngoại thương

3.3.1. Tổng quan về hoạt động định hướng nghề nghiệp

Cách thức nghiên cứu thực trạng

Để nghiên cứu về thực trạng ĐHNN của sinh viên TNTM – ĐHNT được khách quan nhất, nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu theo phương thức điều tra bảng hỏi. Bảng điều tra được thực hiện trong 2 tuần tại trường đại học Ngoại thương và thu về 234 câu trả lời hợp lệ tương đương với 234 khách thể nghiên cứu.

Các chủ thể tham gia vào hoạt động định hướng nghề nghiệp

Chủ thể định hướng: Sinh viên ĐHNT nói chung và sinh viên TNTM nói riêng đều nhận được sự định hướng từ hai chủ thể là Bộ phận chuyên môn và Phòng ban chức năng, tổ chức đoàn thể, CLB.

Chủ thể được định hướng: Nhóm tác giả xác định chủ thể được định hướng là sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật thương mại chưa có việc làm. Dựa theo kết quả bảng hỏi thu được, 77/234 câu trả lời ghi nhận sinh viên thuộc nhóm đối tượng chưa có việc làm.

3.3.2. Hoạt động định hướng nghề nghiệp đến từ khoa tiếng Nhật – trường Đại học Ngoại thương.

Hoạt động định hướng chung

Các hoạt động định hướng chung có thể kể đến như “Buổi sinh hoạt công dân”, “Hệ thống môn học định hướng”, “Cuộc thi học thuật và cuộc thi nghiên cứu khoa học”, “Hoạt động thực tập cho sinh viên”, “Giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập”.

Kết quả khảo sát cho thấy, 100% sinh viên khoa tiếng Nhật tham gia vào các hoạt động định hướng chung. Trong đó, hoạt động có số lượng đánh giá “không hiệu quả” và “kém hiệu quả” cao nhất là buổi sinh hoạt công dân đầu khóa và giữa khóa. Hai hoạt động có số lượng đánh giá “hiệu quả” và “rất hiệu quả” cao nhất là hoạt động thực tập cho sinh viên; hội nghị, hội thảo liên quan đến chuyên ngành. Đặc điểm của hoạt động bị đánh giá là “không có hiệu quả” do hoạt động này không hướng đến nhóm đối tượng sinh viên cụ thể là sinh viên khoa tiếng Nhật mà là sinh viên trường đại học Ngoại Thương nói chung. Những hoạt động này tuy mang lại nhiều kiến thức bổ ích nhưng không trực tiếp liên quan chuyên ngành nên chưa đáp ứng được nhu cầu sinh viên. Nhóm được đánh giá cao có đặc trưng mang tính thực tiễn cao, sinh viên được chia sẻ về những tiền bối đi trước về công việc chuyên ngành, áp dụng kiến thức đã học vào làm việc.

Hoạt động định hướng cụ thể

Hoạt động	Số lượng	Phần trăm
Khóa học JETRO cùng doanh nghiệp	117	50%
Hội thảo về định hướng nghề nghiệp	95	40%
I-mate, viết thư trao đổi giao lưu cùng người Nhật	48	20.5%
Chương trình trao đổi sinh viên	36	15.4%
Chương trình tuyển dụng Nikkei	6	2.6%
Thực tập tại Nhật bản 1 tuần sau khi kết thúc khóa học kế toán bằng tiếng Nhật	1	0.4%

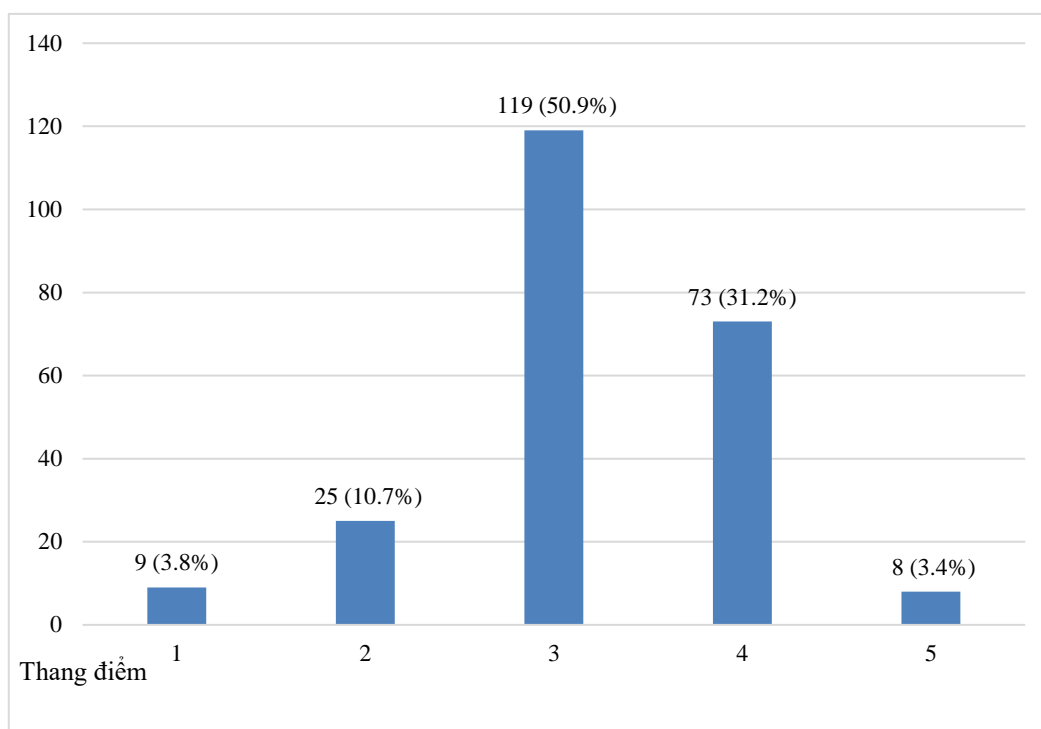
Dựa vào kết quả, nhóm tác giả chia các hoạt động trên thành hai nhóm chính:

Nhóm một, những hoạt động có tỉ lệ tham gia lớn (từ 50%) bao gồm “Khóa học JETRO cùng doanh nghiệp”. Những hoạt động thuộc nhóm này mang tính cụ thể và thực tế khá cao, không chỉ đơn thuần lý thuyết chung mà đã đi vào cụ thể về định hướng nghề nghiệp và có cơ hội tự mình trải nghiệm tiếp xúc với doanh nghiệp.

Nhóm ba, những hoạt động có tỉ lệ tham gia thấp (dưới 50%) bao gồm “Hội thảo về định hướng nghề nghiệp” “I-mate, viết thư trao đổi giao lưu cùng người Nhật”, “Chương trình trao đổi sinh viên”, “Chương trình tuyển dụng Nikkei” “Thực tập tại Nhật bản 1 tuần sau khi kết thúc khóa học kế toán bằng tiếng Nhật”. Những hoạt động thuộc nhóm này có đặc điểm chung là giới hạn số lượng, không dành cho số đông sinh viên mà phải trải qua quá trình tuyển chọn gắt gao. Tuy nhiên đây lại là nhóm hoạt động mang tính chất rất thực tế và mang lại nhiều lợi ích cho công việc sau này.

Đánh giá các hoạt động định hướng của Khoa tiếng Nhật

Khảo sát của nhóm tác giả đưa ra mức độ đánh giá các hoạt động định hướng của khoa tiếng Nhật dựa trên thang điểm từ 1 đến 5. Kết quả thu được là:



Hình 2. Đánh giá các hoạt động định hướng của khoa tiếng Nhật

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Nhìn tổng thể, có đến 65,4% sinh viên chọn từ thang 3 (mức trung bình) trở xuống. Con số này phản ánh rằng một số lượng lớn sinh viên đã và đang thấy rằng chương trình định hướng nghề nghiệp chưa thực sự đáp ứng được như kì vọng của sinh viên. Tuy nhiên, xét theo tỉ lệ lựa chọn của các khóa, những khóa vẫn đang theo học đạt tỉ lệ cao. Vì thế có thể thấy rằng, vì vẫn còn đang trong thời gian đào tạo nên sinh viên chưa được trải nghiệm đầy đủ các hoạt động nên đánh giá vẫn chưa đủ mang tính khách quan.

Phần còn lại có tới 34.6% sinh viên cảm thấy chương trình định hướng nghề nghiệp của khoa đã đáp ứng như kì vọng và thậm chí là vượt kì vọng. Có thể thấy rằng tùy vào từng cá nhân sinh viên mà sẽ có những cảm nhận khác nhau về chương trình đào tạo. Có thể phù hợp với sinh viên này nhưng với sinh viên khác vẫn sẽ có những điểm cần cải thiện chỉnh sửa. Nhưng nhìn chung, chương trình định hướng vẫn đang tồn tại những vấn đề cần giải quyết.

Theo khảo sát, nhóm tác giả ghi nhận nhiều lý do chương trình định hướng nghề nghiệp của khoa chưa đạt kì vọng có thể kể đến như: vẫn còn ít hoạt động, các hoạt động dành cho đối tượng sinh viên năm nhất năm hai chưa có nhiều, không có nhiều hoạt động thực tế dành cho mọi đối tượng sinh viên không phân biệt điểm số.

Đánh giá chương trình đào tạo khoa tiếng Nhật

Điểm đạt được:

Có thể nhận thấy, khoa Tiếng Nhật đã tổ chức rất nhiều hoạt động bổ ích dành cho mọi đối tượng sinh viên từ năm nhất đến năm bốn.

Do hoạt động do khoa tổ chức, các thầy cô cũng như các lớp trưởng thông báo rộng rãi nên hiệu quả truyền thông mang lại cao. Nhờ đó, mức độ tiếp cận đến với sinh viên cũng trở nên cao hơn; đặc biệt, nhiều hoạt động thu hút gần như 100% sinh viên tham dự.

Bên cạnh những hoạt động chung mang tính lý thuyết, khoa cũng đã kết hợp với bên thứ 3 tổ chức nhiều hoạt động thực tế nhằm cung cấp thêm trải nghiệm cho sinh viên như “Khóa học JETRO cùng doanh nghiệp”, “I-mate, viết thư trao đổi cùng người Nhật”,...

Điểm hạn chế:

Với mỗi tiêu chí nhóm tác giả đưa ra bao gồm mức độ tiếp cận, tính cập nhật, cung cấp đầy đủ kiến thức nghề nghiệp, số lượng sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý chỉ chiếm xấp xỉ 50% trên tổng số đối tượng tham gia vào khảo sát. Điều đó chứng tỏ mức độ ứng dụng của các hoạt động đến với sinh viên là chưa cao. Đa số các hoạt động dừng lại ở hiệu quả trung bình, chưa phát huy hết hiệu quả đến với sinh viên.

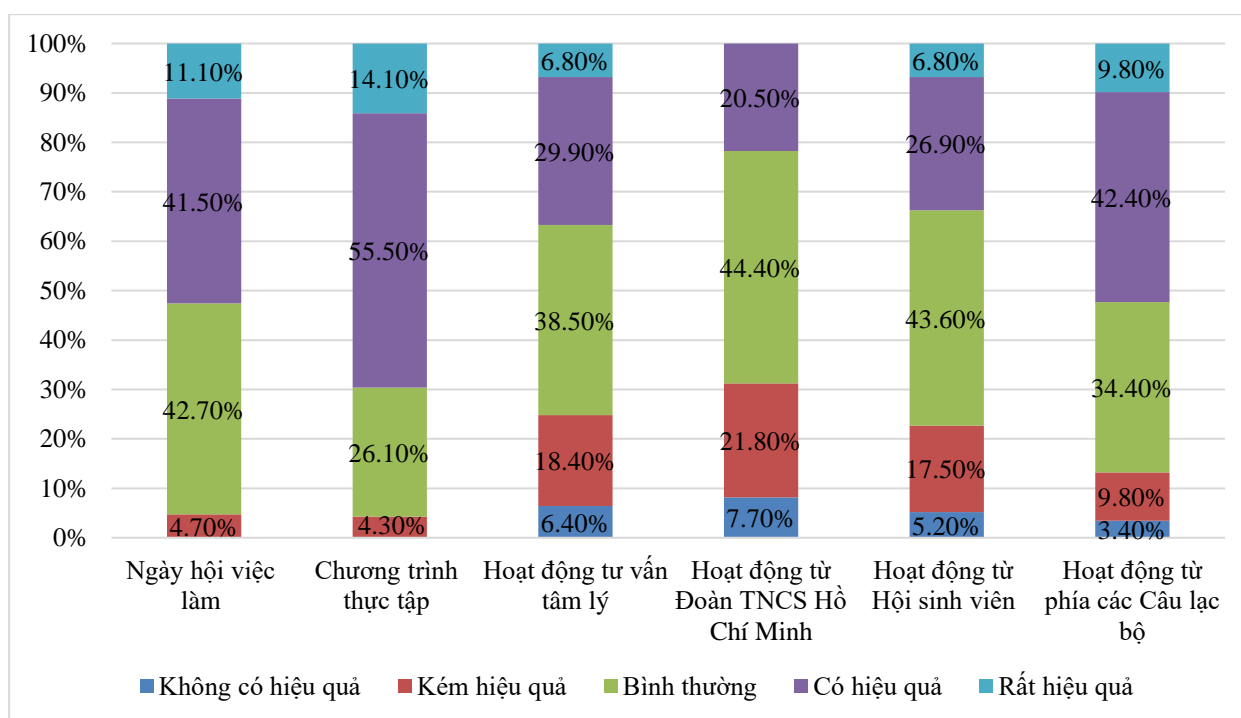
Khảo sát ghi nhận nhiều câu trả lời chỉ ra rằng, khoa Tiếng Nhật vẫn còn ít hoạt động mang tính thực tế hướng đến đối tượng sinh viên năm nhất, năm hai. Vì thế, sinh viên chưa thật sự được chỉ dẫn, định hướng đúng đắn trên con đường sự nghiệp. Từ đó dẫn đến tình trạng mất phương hướng.

Có những hoạt động rất hấp dẫn và giúp ích cho con đường sự nghiệp sau này như “Trao đổi sinh viên với các trường Đại học ở Nhật Bản”, “Thực tập tại Nhật Bản” nhưng nhược điểm là cạnh tranh cao, tiêu chí ít và chọn lọc gắt gao. Những hoạt động này sẽ chỉ tiếp cận được với sinh viên có kết quả học tập ở top trên, vì thế những sinh viên top dưới không thực sự có nhiều cơ hội để được trau dồi bản thân.

Rất nhiều hoạt động liên quan đến kỹ năng mềm phục vụ cho công việc như cách viết CV, đào tạo tác phong trong doanh nghiệp Nhật Bản vẫn chưa được áp dụng hoặc được áp dụng nhưng lại mang tính chất học thuật nhiều.

3.3.3. Hoạt động định hướng nghề nghiệp từ phía Phòng ban chức năng, tổ chức, đoàn thể, CLB

Các hoạt động định hướng nghề nghiệp từ phía khoa tiếng Nhật bao gồm những hoạt động định hướng cơ bản theo format của các bộ phận chuyên môn. Ngoài ra, khoa tiếng nhật còn có những hoạt động định hướng riêng. Cụ thể như sau:



Hình 3. Thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật thương mại

Trong số các hoạt động trên, những hoạt động có đánh giá “không có hiệu quả” bao gồm: Hoạt động từ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (7.7%), Hoạt động tư vấn tâm lý (6.4%), Hoạt động từ Hội sinh viên (5.2%), Hoạt động từ phía các Câu lạc bộ (3.4%).

Hai hoạt động có số lượng đánh giá “hiệu quả” và “rất hiệu quả” cao nhất là Chương trình thực tập (69.6%) và Ngày hội việc làm (52.6%).

Đánh giá thực trạng

Điểm đạt được:

Nhìn chung, sinh viên đánh giá các hoạt động này mang tính cập nhật (147 sinh viên chọn “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”) và dễ tiếp cận (128 sinh viên chọn “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”).

Một số hoạt động nhận được sự hưởng ứng đông đảo và đánh giá tích cực từ sinh viên như Chương trình thực tập, Ngày hội việc làm. Nhìn chung, nhóm hoạt động này có đặc trưng đó là độ phủ sóng cao, nhiều sinh viên biết đến và/hoặc không tổ chức định kỳ. Những hoạt động định hướng từ phía Đoàn, Hội sinh viên, hay hoạt động như tư vấn tâm lý còn yếu, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của các bạn sinh viên.

Điểm hạn chế:

Từ kết quả trên cho thấy, đặc điểm của nhóm hoạt động bị đánh giá là “không có hiệu quả” đó là những hoạt động không được nhiều sinh viên biết đến và/hoặc không tổ chức định kỳ. Những hoạt động định hướng từ phía Đoàn, Hội sinh viên, hay hoạt động như tư vấn tâm lý còn yếu, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của các bạn sinh viên.

Số người phản hồi tích cực về các hoạt động này nếu so sánh trên tổng số người tham gia khảo sát (234 sinh viên) thì con số này chỉ chiếm trên 50%. Điều đó chứng tỏ mức độ ứng dụng của các hoạt động đến với sinh viên là chưa cao. Khi được đánh giá về việc các hoạt động này đã cung cấp đủ kiến thức về nghề nghiệp hay chưa thì ý kiến “đồng ý” và “trung lập” lại bằng nhau (97 sinh

viên), số người “hoàn toàn đồng ý” chỉ có 14 người trong khi số người “hoàn toàn không đồng ý” và “không đồng ý” lên đến 26 sinh viên. Đây chính là một trong những lỗ hổng cần khắc phục trong chương trình định hướng của các phòng ban chức năng, tổ chức đoàn thể, câu lạc bộ. Việc cung cấp đầy đủ các kiến thức về nghề nghiệp là tiêu chí vô cùng quan trọng để quyết định hiệu quả của hoạt động nhưng lại chưa thực sự được chú trọng.

4. Đề xuất giải pháp đối với các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật thương mại, trường Đại học Ngoại thương.

Trên cơ sở kết quả khảo sát sinh viên và thực trạng về yêu cầu đối với hoạt động tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp để phát triển hoạt động tư vấn nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của người học trong các trường đại học.

4.1. Bổ sung các hội thảo hướng nghiệp dành cho sinh viên khoa Tiếng Nhật

Để hoạt động định hướng nghề nghiệp được trở nên đa dạng và hiệu quả hơn với sinh viên, khoa tiếng Nhật cần chia các hoạt động hướng nghiệp theo từng đối tượng khác nhau, cụ thể:

Đối với nhóm sinh viên năm nhất và năm hai, đây là nhóm đối tượng rất dễ bị mất phương hướng trong học tập do chưa thực sự hiểu rõ về ngành học của mình và gặp khó khăn trong việc tiếp nhận chữ tượng hình. Tuy nhiên các hoạt động định hướng dành cho sinh viên năm nhất năm hai của khoa tiếng Nhật trường ĐHTN hầu như là không có. Vì vậy, nhóm đối tượng sinh viên này cần được tổ chức thêm nhiều Hội thảo định hướng với nội dung như chia sẻ kỹ năng học tập tiếng Nhật, truyền cảm hứng với ngành tiếng Nhật thương mại...

Đối với nhóm sinh viên năm ba và năm bốn, đây là nhóm đối tượng chuẩn bị bước vào thị trường lao động. Vì vậy, các bạn mang trong mình sự tò mò và mong muốn khám phá về thị trường lao động, để chuẩn bị hành trang cho bản thân một cách kỹ càng từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường. Với nhóm đối tượng này, nhóm tác giả đề xuất triển khai Hội thảo liên quan đến kỹ năng tìm việc. Tại hội thảo này, sinh viên có thể nhận được những chia sẻ từ cựu sinh viên, giảng viên về kinh nghiệm tìm việc, cách viết CV, các kỹ năng cần trau dồi khi làm trong môi trường doanh nghiệp Nhật Bản.

4.2. Bổ sung thêm môn học tự chọn mang tính hướng nghiệp

Các môn học chuyên ngành đóng vai trò giúp sinh viên được tiếp cận nghiệp vụ nghề nghiệp, từ đó giúp sinh viên nhận ra bản thân phù hợp với lĩnh vực nào để tiếp tục bổ túc kỹ năng nghiệp vụ sâu hơn. Ngoài 4 môn học chuyên ngành bắt buộc và 6 môn học đã được thêm vào học phần tự chọn chuyên ngành từ khóa K58, khoa tiếng Nhật có thể bổ sung thêm các môn học đang thịnh hành hiện nay như: IT, Marketing, Logistics, Bảo hiểm, ... Những môn học tự chọn này với vai trò định hướng nghề nghiệp nên được xây dựng nội dung vừa phải, không quá nặng để sinh viên có thể học để trải nghiệm kiến thức và mở rộng ra những nghiệp vụ cơ bản của lĩnh vực.

4.3. Thành lập hội sinh viên giúp hỗ trợ các hoạt động định hướng nghề nghiệp

Cho đến thời điểm hiện tại, khoa tiếng Nhật vẫn chưa đủ nhân lực để tổ chức các buổi hội nghị hội thảo hướng nghiệp cho sinh viên khoa tiếng Nhật. Tuy nhiên khoa luôn sẵn sàng về mặt kiến thức để chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ sinh viên trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp. Do đó, nhóm nghiên cứu đề xuất thành lập hội sinh viên khoa tiếng Nhật với vai trò hỗ trợ khoa tiếng Nhật trong các hoạt động định hướng nghề nghiệp của khoa, kết nối thông tin đến các doanh nghiệp và là cầu nối giữa sinh viên và khoa tiếng Nhật. Ngoài ra, hội đồng hội sinh viên còn có thể đại

diện sinh viên nói ra nguyện vọng cho sinh viên, từ đó khoa hiểu được về những vấn đề mà sinh viên đang gặp phải, và có được những nhận định dưới góc nhìn của sinh viên. Đây là một điều quan trọng giúp hình thành các nội dung định hướng nghề nghiệp phù hợp với sinh viên khoa TNTM.

4.4. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp

Ngoài các hình thức định hướng nghề nghiệp thông thường như tổ chức các hội nghị hội thảo chuyên đề, để việc định hướng nghề nghiệp thu hút sự quan tâm của nhiều sinh viên, khoa cần tổ chức thêm có cuộc thi chuyên môn, các buổi tham quan song song với buổi học cùng doanh nghiệp, thực hành biên phiên dịch...

Ngoài ra, khoa cũng cần tăng cường hoạt động truyền thông, nâng cao hiệu quả các kênh thông tin tuyên truyền. Việc truyền thông hiệu quả giúp các hoạt động định hướng tiếp cận được nhiều đối tượng nhanh và hiệu quả hơn, và các nội dung truyền thông có thể giúp nâng cao ý thức của sinh viên về vấn đề định hướng nghề nghiệp.

4.5. Nâng cao vai trò của cố vấn nghề nghiệp

Một trong những hoạt động định hướng nghề nghiệp hiệu quả được nêu ở chương đầu là định hướng thông qua cố vấn nghề nghiệp (Mentor). Tại đại học Ngoại thương, cố vấn nghề nghiệp được xác định chính là giáo viên chủ nhiệm của lớp hành chính. Trên thực tế, dù là giảng viên hay cố vấn nghề nghiệp, vai trò của giáo viên chủ nhiệm tại khoa Nhật ĐHTT vẫn chưa được tiến hành hiệu quả. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đề xuất nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm, đồng thời tách cố vấn nghề nghiệp ra thành chủ thể định hướng riêng biệt.

5. Kết luận

Trong bối cảnh mối quan hệ hợp tác về kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản ngày càng khăng khít như hiện nay, số lượng sinh viên học tiếng Nhật cũng một phần vì lí do đó mà tăng cao. Tuy vậy, việc định hướng nghề nghiệp cho sinh viên tiếng Nhật nói chung vẫn còn nhiều hạn chế. Sau quá trình phân tích và đánh giá đề tài “**Thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành tiếng Nhật thương mại, trường Đại học Ngoại Thương - Góc nhìn từ sinh viên**”, nhóm tác giả rút ra kết luận rằng, quá trình định hướng cho sinh viên tiếng Nhật tại trường Đại học Ngoại thương nhìn chung rất sôi động và đa dạng nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như chưa nhiều có nhiều hoạt động mang tính trải nghiệm thực tế tiếp cận được tới tất cả đối tượng sinh viên. Từ cơ sở rút ra những mặt hạn chế trong quá trình định hướng, nhóm tác giả đề xuất giải pháp cho hai đối tượng là nhà trường và sinh viên để quá trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên tiếng Nhật thương mại sau này sẽ được hoàn thiện, cập nhật hơn.

Tài liệu tham khảo

- (JETRO), T. c. (2021). *Ministry of Foreign Affairs of Japan*. Available at: 海外進出日系企業拠点数調査: <http://surl.li/cdujw>
- Chương trình Cử nhân Tiếng Nhật thương mại – Ngành ngôn ngữ Nhật. (2018), "Khoa Tiếng Nhật – Trường Đại học Ngoại thương", Available at: <http://surl.li/cdujq>.
- Đại học Ngoại thương. (2017, 2021). *Đại học Ngoại thương*. Available at: <http://surl.li/cdujn>.
- DOYLE, A. (2019), "How to Find a Career Mentor", *The Balance Career*, Available at: <https://www.thebalancecareers.com/how-to-find-a-career-mentor-2059757>.
- Hội, Đ. c. (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Lan, N. N. (2019), *Nâng cao hiệu quả tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường đại học Việt Nam*.
- Lê, T.T.T. (2019), *Một số vấn đề lý luận về tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên*, Kỷ yếu hội thảo Mô hình tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên.
- Loughead, E. B. (1993), "Parental Influence on Career Development: An Integrative Framework for Adolescent Career Counseling".
- Nguyễn, V.L., Hà, T.T. & Bùi, V.Q. (2004), *Một số vấn đề hướng nghiệp cho học sinh phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm.
- Thủy, T. T. (2019), *Tình hình đào tạo chuyên ngành tiếng Nhật thương mại tại trường đại học Ngoại Thương những năm gần đây*, Kỷ yếu khoa tiếng Nhật thương mại.
- Tổ chức Đối Tác Cho Giáo Dục Thế Kỷ 21 (Partnership for 21st century learning). (2019), P21 Framework (Bộ khung các kỹ năng học tập thế kỷ 21), Available at: <http://surl.li/cdukc>.
- Trang Thông tin điện tử Tổng cục Thống kê. (2021). Available at: www.gso.gov.vn
- Trang, N. T. (2019). *Tổng quan về học thuyết của Holland - công cụ tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên các trường đại học*.
- Bùi, H.P. (2020), "Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên khoa thư viện - thông tin học, trường đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh", *Tạp chí Thông tin và Tư liệu*.
- Yên, P. T. (2016), "Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông tại TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu", *Luận văn tốt nghiệp*, Trường ĐHSPTP HCM.
- Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản. (2011). *キャリア教育とは何か*. Available at: <http://surl.li/cdujs>
- 岡部悟志&樋口健. (2009). 企業が採用時の要件として大卒者に求める能力とその評価方法. 大学教育学会 第 31 回大会 自由研究発表 III 「学士課程教育」 発表資料